

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2022/DS-PT

Ngày 24 – 3 – 2022

V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1292/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; địa chỉ: Số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt)*;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 29/9/2015): Bà Lữ Thị Bạch L1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 329/20 ĐBP, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng L2 – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Đ.D, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt)*.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H (H.), sinh năm 1972; địa chỉ: Số 12 NK, Phường 3, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh, (*vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 166 PDL, Phường 3, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, (*vắng mặt*).

2. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; địa chỉ: Số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, (*vắng mặt*).

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1963; địa chỉ: G. 162/6 81375 MunChen, Germany, (*vắng mặt*).

4. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967; địa chỉ: K. 1, 81671 MunChen, Germany, (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà O, bà K, bà Y (theo các Giấy ủy quyền ngày 02/3/2016, ngày 07/3/2016 và ngày 26/2/2016): Bà Lữ Thị Bạch L1, sinh năm 1972; địa chỉ: 329/20 ĐBP, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, (*có mặt*).

5. Ông Đinh Văn L3, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 54/1 XC, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, (*vắng mặt*).

6. Bà Lê Thị Lê T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 308/36 CMTT, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, (*vắng mặt*).

7. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn;

Địa chỉ: Số 927 THĐ, Phường 1, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng: Ông Huỳnh Thiên V, sinh năm 1978; địa chỉ: 550 TC, phường THT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, (*vắng mặt*).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 29/9/2015, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và người đại diện theo ủy quyền của ông L là bà Lữ Thị Bạch L1 trình bày:*

Cụ Nguyễn Đức S và cụ Trần Thị H1 là chủ sở hữu các tài sản sau đây: Căn nhà và đất tọa lạc tại số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số

3051/SXD do Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2004; căn nhà và đất tọa lạc tại số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4536/2003 do UBND Quận 4 cấp ngày 27/11/2003 và số tiền 290.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn, theo giấy xác nhận số dư của Ngân hàng ngày 22/9/2015.

Cha mẹ của ông Nguyễn Văn L là cụ Nguyễn Đức S, sinh năm 1928, chết năm 2013 và cụ Trần Thị H1, sinh năm 1936, chết năm 2015, chung sống với nhau có 08 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1955, chết năm 1985 (độc thân); ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1963; ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị X (chết từ nhỏ).

Cụ Nguyễn Đức S qua đời ngày 04/09/2013, không để lại di chúc. Cha mẹ ruột của cụ Nguyễn Đức S đều đã qua đời trước khi cụ S chết và không có giấy chứng tử.

Cụ Trần Thị H1 qua đời ngày 25/02/2015, có để lại di chúc cho con trai là ông Nguyễn Văn L được hưởng toàn bộ phần quyền đối với hai tài sản nhà, đất số B2F và B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và phần thừa kế mà cụ H1 được hưởng từ chồng là cụ S. Cha mẹ ruột của cụ Trần Thị H1 đều đã qua đời trước khi cụ H1 chết và không có giấy chứng tử.

Sau khi cha mẹ ông L qua đời, các đồng thừa kế bất hòa nên không lập được thủ tục khai nhận di sản thừa kế đối với di sản do cha mẹ ông để lại, nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn H, người đang trực tiếp quản lý sử dụng nhà không đồng ý phân chia thừa kế cho các đồng thừa kế cũng như không chịu hợp tác để lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế đối với di sản thừa kế nêu trên, nhằm mục đích muốn một mình ông H hưởng lợi số tiền cho thuê nhà vì hiện tại ông Nguyễn Văn H đang cho người khác thuê hai căn nhà trên để ở và kinh doanh.

Ông L và các đồng thừa kế khác đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn H phân chia di sản thừa kế của cha mẹ nhưng ông Nguyễn Văn H không có thiện chí giải quyết.

Ông L không có công sức đóng góp, tạo lập gì đối với căn nhà và cũng không yêu cầu gì đối với việc sửa chữa nhà và công sức nuôi dưỡng, ma chay cha mẹ. Nay ông L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế như sau:

Đối với hai căn nhà B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn L được hưởng thừa kế theo di chúc đối với di sản của cụ Trần Thị H1 và phần cụ H1 được hưởng thừa kế từ cụ S trong hai căn nhà này; đối với phần di sản của cụ Nguyễn Đức S để lại đề nghị Tòa án chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế gồm: ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, bà Nguyễn Thị Y. Ông L yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế.

Đối với 03 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Nhà Rông, ông L yêu cầu được nhận 1/6 đối với số tiền gốc 290.000.000 đồng và 1/6 đối với tiền lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập ghi tự khai, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Thông báo kết quả về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do.

- Tại Đơn tường trình ngày 11/01/2016 và Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Nguyễn Đức S và cụ Trần Thị H1, chung sống với nhau có 08 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1955, chết năm 1985 (độc thân); ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1963; ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị X, chết (độc thân).

Cụ S và cụ H1, chết để lại 02 căn nhà số B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và 03 sổ tiết kiệm 290.000.000 đồng. Hai căn nhà trên do cha mẹ của ông đứng tên.

Cụ S và cụ H1 chết không để lại di chúc. Riêng Tờ di chúc của mẹ ông lập cho ông Nguyễn Văn L phần tài sản là không hợp lệ, vì cụ H1 mất trí nhớ hơn 10 năm, các con còn không biết là ai thì làm sao đứng ra lập di chúc, nên tờ di chúc của bà H1 là không có giá trị.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Tại các Bản tự khai, Biên bản không tiến hành hòa giải được và ghi nhận ý kiến của các đương sự ngày 16/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K (bà Nguyen Thi Ngoc K) và

bà Nguyễn Thị Y (Nguyen Thi Y) cùng ủy quyền cho bà Lữ Thị Bạch LI đại diện thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

- Tại Bản tự khai ngày 07/9/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn L3 trình bày:

Ông L3 chỉ là người buôn bán nhỏ tại địa chỉ số B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp thừa kế giữa ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lê T: Bà T đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập ghi tự khai, Thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Thông báo kết quả về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do.

- Tại Bản tự khai ngày 05/6/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) ủy quyền cho ông Huỳnh Thiên V đại diện trình bày:

Cụ Nguyễn Đức S, sinh ngày 25/5/1928 có gửi tiết kiệm tại SCB, chi tiết như sau:

1. Số tài khoản 121500567610005, số dư 40.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/01/2013, ngày đáo hạn 18/01/2021.
2. Số tài khoản 122700567610004, số dư 100.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/10/2012, ngày đáo hạn 18/12/2020.
3. Số tài khoản 122700567610003, số dư 150.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 05/10/2012, ngày đáo hạn 07/10/2020.

Tại thời điểm gửi, cụ Nguyễn Đức S nhận lãi tiết kiệm hàng tháng bằng tiền mặt. Tuy nhiên, trong suốt quá trình gửi tiết kiệm cụ S chưa đến nhận lãi phát sinh từ những sổ tiết kiệm này nên SCB tạm giữ.

Như vậy, tại thời điểm này số tiền tiết kiệm từ 03 sổ tiết kiệm của cụ S gồm 290.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi sẽ phát sinh hàng tháng cho đến khi tất toán các sổ tiết kiệm.

Hiện nay, ông Nguyễn Văn L đang tranh chấp với các đồng thừa kế khác liên quan đến tiền gốc, lãi của 03 sổ tiết kiệm nêu trên thì SCB sẽ tạm khóa và không tất toán các sổ tiết kiệm cho một trong những đồng thừa kế cho đến khi Bản án/ Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Khi bản án/ quyết định

của Tòa án có hiệu lực thì SCB căn cứ vào bản án/quyết định để giải quyết theo đúng quy định.

Vì vậy, SCB kính đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật, SCB cam kết thực hiện giải quyết tất toán các sổ tiết kiệm và chi trả tiền lãi phát sinh từ các sổ tiết kiệm theo đúng bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:1292/2020/DS-ST ngày 21/8/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Xác định di sản của cụ Nguyễn Đức S và cụ Trần Thị H1 chết để lại gồm: Căn nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 4536/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp ngày 27/11/2003); Căn nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3051/SXD do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2004) và 03 (ba) sổ tiết kiệm tại tài khoản tiết kiệm cụ thể: Số tài khoản 121500567610005, số dư 40.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/01/2013, ngày đáo hạn 18/01/2021; Số tài khoản 122700567610004, số dư 100.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/10/2012, ngày đáo hạn 18/12/2020; Số tài khoản 122700567610003, số dư 150.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 05/10/2012, ngày đáo hạn 07/10/2020 và tiền lãi suất của số tiền tiết kiệm nêu trên hiện đang gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Đức S gồm: Cụ Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H.

3. Xác định cụ Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H mỗi người được hưởng thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đức S chết để lại là 1/14 có giá trị là 231.691.243đ (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm chín mươi một ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng).

4. Công nhận Di chúc do cụ Trần Thị H1 lập ngày 11/12/2013 có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Hội Nhập là hợp pháp.

5. Xác định ông Nguyễn Văn L được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị H1 và phần cụ Trần Thị H1 được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn

Đức S là 4/7 có giá trị là 1.853.529.946đ (một tỷ tám trăm năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

6. Tổng cộng ông Nguyễn Văn L được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Đức S và thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị H1 là 9/14 có giá trị là 2.085.221.190đ (hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu hai trăm hai mươi một ngàn một trăm chín mươi đồng).

7. Giao căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn L được quyền sở hữu.

8. Ông Nguyễn Văn L được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền hợp thức hóa, sang tên toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Nguyễn Văn L đối với nhà, đất tại số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

9. Giao căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu.

10. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền 457.717.006đ (bốn trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm mười bảy ngàn không trăm lẻ sáu đồng).

11. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, bà Nguyễn Thị Y mỗi người 231.691.243đ (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm chín mươi một ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng).

12. Sau khi ông Nguyễn Văn H thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, thì ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền hợp thức hóa, sang tên toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Nguyễn Văn H đối với nhà, đất tại số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn H) theo quy định của pháp luật.

13. Trường hợp sau 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông H (H.) chưa thi hành số tiền nêu trên cho ông L, ông Đ, bà Y, bà O, bà K thì giao cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ các phí, chi phí phát mãi, số tiền còn lại chia cho ông Nguyễn Văn L 28,33% và ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn H mỗi người 14,333%.

14. Buộc ông H, Ông L3, Bà T và những người đang cư ngụ tại hai căn nhà số B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phải dọn ra khỏi nhà để giao lại cho ông L căn nhà số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và giao cho cơ quan Thi hành án dân sự đối với căn nhà số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (nếu phát mãi).

15. Xác định ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H được hưởng thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đức S và cụ Trần Thị H1 để lại đối với 03 (ba) sổ tiết kiệm tại tài khoản tiết kiệm: Số tài khoản 121500567610005, số dư 40.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/01/2013, ngày đáo hạn 18/01/2021; Số tài khoản 122700567610004, số dư 100.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/10/2012, ngày đáo hạn 18/12/2020; Số tài khoản 122700567610003, số dư 150.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 05/10/2012, ngày đáo hạn 07/10/2020 và tiền lãi suất của số tiền nêu trên hiện đang gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

16. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H mỗi người được hưởng là 48.333.333đ (bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) của 03 sổ tiết kiệm đứng tên ông Nguyễn Đức S nêu trên tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Đồng thời, các đồng thừa kế nêu trên mỗi người được hưởng 1/6 số tiền lãi suất trên số tiền gốc 290.000.000đ (hai trăm chín mươi triệu đồng) vào ngày tất toán các tài khoản tiết kiệm nêu trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/9/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L có Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cho ông L được quyền sở hữu căn nhà số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh để ông giữ lại vẹn nguyên 02 căn nhà B2D và B2F dùng làm nơi thờ cúng cha mẹ, tổ tiên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Hồng L2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Căn nhà B2D và căn nhà B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh mặc dù được cấp 02 giấy chủ quyền nhà nhưng 02 căn nhà này thông

nhau và thực chất chỉ là 01 căn nhà. Ông Nguyễn Văn L là người được hưởng thừa kế với tỷ lệ 9/14 giá trị của 02 căn nhà B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, trong khi ông Nguyễn Văn H chỉ được hưởng thừa kế có tỷ lệ 1/14 giá trị của 02 căn nhà này. Mặt khác, ông Nguyễn Văn H đã được cha mẹ cho căn nhà số 12 đường NK, Phường 3, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh và ông H đã sinh sống tại căn nhà này từ năm 1991 cho đến nay vẫn đang sinh sống tại đây. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông H được quyền sở hữu là không phù hợp và bất hợp lý. Thêm nữa, hiện nay các đồng thừa kế khác gồm bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ngọc K và bà Nguyễn Thị O, mỗi người được hưởng thừa kế có tỷ lệ 1/14 giá trị của 02 căn nhà B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, đều đã có Văn bản thể hiện nguyện vọng đồng ý tặng cho ông L suất thừa kế mà họ được hưởng.

Với các lý do nêu trên nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao thêm căn nhà B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông L được quyền sở hữu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L:

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông H được quyền sở hữu là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ. Kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Lê T vắng mặt không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông Đinh Văn L3 và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn có yêu cầu xin vắng mặt từ giai đoạn hòa giải, xét xử ở Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết tranh chấp di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đức S, chết năm 2013 và cụ Trần Thị H1, chết năm 2015, đối với 02 căn nhà, đất tọa lạc tại số B2D và số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Theo Biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 25/01/2018 thì giá trị quyền sử dụng đất và giá trị xây dựng của căn nhà số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.627.504.184 đồng và của căn nhà số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là 1.616.173.222 đồng.

[2.2] Cụ Nguyễn Đức S, chết năm 2013, không để lại di chúc nên di sản của cụ S để lại là $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản chung với cụ Trần Thị H1. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất thừa nhận cụ S và cụ H1 chung sống với nhau có 08 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1955, chết năm 1985 (độc thân); ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1963; ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị X (chết từ nhỏ). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Đức S gồm: cụ Trần Thị H1 (vợ của ông S) và các con cụ S là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn H, nên chia thừa kế cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{7}$ giá trị di sản của ông S chết để lại theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 676 Bộ luật Dân

sự năm 2005. Như vậy, cụ Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H mỗi người được hưởng 1/14 của hai căn nhà số B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 231.691.243 đồng.

[2.3] Cụ Trần Thị H1, chết ngày 25/02/2015, có để lại di chúc.

Di chúc do cụ Trần Thị H1 lập ngày 11/12/2013, có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Hội Nhập, có nội dung: Cụ Trần Thị H1 trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt (Giấy khám sức khỏe tại Bệnh viện Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/12/2013), tự nguyện yêu cầu Công chứng viên ghi lại nội dung di chúc như sau: *“Tôi là người có phần quyền đối với 02 tài sản nhà ở và đất ở tọa lạc tại số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 4536/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2003 (sau đây gọi tắt là “Tài sản 1”) và nhà ở và đất ở tọa lạc tại số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3051/SXD do Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2004 (sau đây gọi tắt là “Tài sản 2”). Sau khi tôi qua đời thì phần quyền của tôi và phần mà tôi được hưởng từ chồng tôi (nếu có) đối với “Tài sản 1” và “Tài sản 2” nói trên sẽ để lại cho con của tôi là ông Nguyễn Văn L được thừa hưởng tại thời điểm mở thừa kế. Để làm chứng cho việc lập di chúc, tôi có mời người làm chứng ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1942, thường trú tại 2L TTT, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Tờ di chúc này do tôi tự nguyện lập, tôi không bị ràng buộc bởi một áp lực vật chất hay tinh thần nào khác. Tôi cam kết những thông tin đã ghi trong di chúc này là đúng sự thật, tài sản nêu trên là có thật vào thời điểm di chúc này được công chứng”.*

Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận Di chúc do cụ Trần Thị H1 lập ngày 11/12/2013 có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Hội Nhập nêu trên là hợp pháp. Theo đó, đã xác định ông Nguyễn Văn L được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị H1 và phần cụ H1 được hưởng di sản thừa kế của cụ S là 4/7 có giá trị là 1.853.529.946 đồng. Như vậy, tổng cộng ông Nguyễn Văn L được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ S và thừa kế theo di chúc của cụ H1 là 9/14 của hai căn nhà số B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 2.085.221.190 đồng.

[2.4] Xét, hai căn nhà số B2D và số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi căn có một Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở

và quyền sử dụng đất ở riêng biệt và hai căn nhà tách biệt nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia di sản của ông S và bà H1 bằng hiện vật.

[2.4a] Mặc dù ông L được hưởng 9/14 giá trị, trong khi đó ông H được hưởng 1/14 giá trị của hai căn nhà số B2D và số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; nhưng do ông H là người đang quản lý, sử dụng cả hai căn nhà nêu trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn L, giao nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn L được quyền sở hữu; giao nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu.

[2.4b] Do ông Nguyễn Văn H nhận nhà đất có giá trị cao hơn kỹ phần ông H được hưởng thừa kế nên ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông L số tiền 457.717.006 đồng và hoàn lại cho ông Đ, bà Y, bà O, bà K mỗi người số tiền là 231.691.243 đồng.

Sau khi ông H thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế là ông L, ông Đ, bà Y, bà O, bà K, thì ông H được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền hợp thức hóa, sang tên toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Nguyễn Văn H đối với nhà, đất tại số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật.

[2.4c] Trường hợp sau 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông H chưa thi hành số tiền nêu trên cho ông L, ông Đ, bà Y, bà O, bà K thì giao cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ các phí, chi phí phát mãi, số còn lại chia cho các đồng thừa kế gồm: ông L 28,33% và ông Đ, bà Y, bà O, bà K, ông H mỗi người 14,333%.

[2.4d] Ông H là người đang quản lý, sử dụng hai căn nhà nêu trên và Ông L3, Bà T là những người đang thuê nhà với ông H. Do đó, ông H, Ông L3, Bà T và những người đang cư ngụ tại hai căn nhà số B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phải dọn ra khỏi nhà để giao lại căn nhà số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông L và giao căn nhà số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (trong trường hợp phát mãi).

[2.4đ] Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản của ông S và bà H1 đối với 02 căn nhà số B2D và số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí

Minh như trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao thêm căn nhà B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông L được quyền sở hữu để ông giữ lại vẹn nguyên 02 căn nhà B2D và B2F dùng làm nơi thờ cúng cha mẹ, tổ tiên. Tuy nhiên, những lý do kháng cáo mà ông L đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm là không đủ cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư trình bày tại phiên tòa phúc thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L do không phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 1292/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 649, 650, 652, 653, 657, 658, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005

Căn cứ khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009.

1.1. Xác định di sản của cụ Nguyễn Đức S và cụ Trần Thị H1 chết để lại gồm: Căn nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 4536/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 4 cấp ngày 27/11/2003); căn nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3051/SXD do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2004) và 03 (ba) sổ tiết kiệm tại tài khoản tiết kiệm cụ thể: Số tài khoản 121500567610005, số dư 40.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/01/2013, ngày đáo hạn 18/01/2021; Số tài khoản 122700567610004, số dư 100.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/10/2012, ngày đáo hạn 18/12/2020; Số tài khoản 122700567610003, số dư 150.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 05/10/2012, ngày đáo hạn 07/10/2020 và tiền lãi suất của số tiền tiết kiệm nêu trên hiện đang gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

1.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Đức S gồm: cụ Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H.

1.3. Xác định cụ Trần Thị H1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H mỗi người được hưởng thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đức S chết để lại là 1/14 có giá trị là 231.691.243đ (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm chín mươi một ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng).

1.4. Công nhận Di chúc do cụ Trần Thị H1 lập ngày 11/12/2013 có chứng nhận của Văn phòng Công chứng Hội Nhập là hợp pháp.

1.5. Xác định ông Nguyễn Văn L được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị H1 và phần cụ Trần Thị H1 được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đức S là 4/7 có giá trị là 1.853.529.946đ (một tỷ tám trăm năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

1.6. Tổng cộng ông Nguyễn Văn L được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Đức S và thừa kế theo di chúc của cụ Trần Thị H1 là 9/14 có giá trị là 2.085.221.190đ (hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu hai trăm hai mươi một ngàn một trăm chín mươi đồng).

1.7. Giao căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn L được quyền sở hữu.

1.8. Ông Nguyễn Văn L được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền hợp thức hóa, sang tên toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Nguyễn Văn L đối với nhà, đất tại số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

1.9. Giao căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu.

1.10. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn L số tiền 457.717.006đ (bốn trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm mười bảy ngàn không trăm lẻ sáu đồng).

1.11. Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, bà Nguyễn Thị Y mỗi người 231.691.243đ (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm chín mươi một ngàn hai trăm bốn mươi ba đồng).

1.12. Sau khi ông Nguyễn Văn H thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế là ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, thì ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ các cơ quan chức năng có thẩm quyền hợp thức hóa, sang tên toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Nguyễn Văn H đối với nhà, đất tại số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn H) theo quy định của pháp luật.

1.13. Trường hợp sau 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông H (H.) chưa thi hành số tiền nêu trên cho ông L, ông Đ, bà Y, bà O, bà K thì giao cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi căn nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi trừ các phí, chi phí phát mãi, số tiền còn lại chia cho ông Nguyễn Văn L 28,33% và ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn H mỗi người 14,333%.

1.14. Buộc ông H, Ông L3, Bà T và những người đang cư ngụ tại hai căn nhà số B2D và B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phải dọn ra khỏi nhà để giao lại cho ông L căn nhà số B2D NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và giao cho cơ quan Thi hành án dân sự đối với căn nhà số B2F NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (nếu phát mãi).

1.15. Xác định ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H được hưởng thừa kế di sản của cụ Nguyễn Đức S và cụ Trần Thị H1 để lại đối với 03 (ba) sổ tiết kiệm tại tài khoản tiết kiệm: Số tài khoản 121500567610005, số dư 40.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/01/2013, ngày đáo hạn 18/01/2021; Số tài khoản 122700567610004, số dư 100.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 17/10/2012, ngày đáo hạn 18/12/2020; Số tài khoản 122700567610003, số dư 150.000.000 đồng, tiết kiệm CKH thông thường, ngày mở 05/10/2012, ngày đáo hạn 07/10/2020 và tiền lãi suất của số tiền nêu trên hiện đang gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

1.16. Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn H mỗi người được hưởng là 48.333.333đ (bốn mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) của 03 sổ tiết kiệm đứng tên ông Nguyễn Đức S nêu trên tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Đồng thời, các đồng thừa kế nêu trên mỗi người được hưởng 1/6 số tiền lãi suất trên số tiền gốc 290.000.000đ (hai trăm chín mươi triệu đồng) vào ngày tất toán các tài khoản tiết kiệm nêu trên.

1.17. Về chi phí định giá: Ông Nguyễn Văn L tự nguyện nộp đủ.

1.18. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L chịu: 74.671.090đ (bảy mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn không trăm chín mươi đồng), được trừ vào số tiền tạm nộp án phí 15.823.800 đ (mười lăm triệu tám trăm hai mươi ba ngàn tám trăm đồng) theo biên lai thu số 09696 ngày 02/12/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn L còn phải nộp 58.847.290đ (năm mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm chín mươi đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị Ngọc K, ông Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.001.229đ (mười bốn triệu không trăm lẻ một ngàn hai trăm hai mươi chín đồng).

2- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông L đã nộp theo Biên lai thu số: 0092719 ngày 05/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 24 tháng 3 năm 2022./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu: HS, HQ (21b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh